

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM YÊN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **213/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 05/8/2022

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ma Thị Tuyết Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Quang Thịnh
2. Ông Hoàng Huy Phúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Kỳ Khôi - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Vũ Phương Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 05/8/2022 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 83/2022/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 18 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1985; nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố Đ, thị trấn T, huyện H, tỉnh T; nơi ở hiện nay: Thôn N, xã P, huyện C, thành phố H (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Khúc Văn M, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn T, huyện H, tỉnh T (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Khúc Văn M kết hôn với nhau năm 2001 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 30/3/2005 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H, tỉnh T. Cuộc sống chung vợ chồng ban đầu hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng hay cãi chửi nhau. Do cuộc sống chung luôn căng thẳng nên chị và anh M đã sống ly thân từ năm 2016, không

quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh M, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Khúc Văn M.

- *Về con chung*: Chị và anh Khúc Văn M có 02 con chung là cháu Khúc Xuân V, sinh ngày 11/12/2002 và Khúc Thị Thùy L, sinh ngày 11/11/2003 hiện nay cả hai cháu đã trưởng thành, có khả năng lao động, nên không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung.

- *Về tài sản, đất đai, công nợ chung*: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi anh Khúc Văn M đến để giải quyết vụ án nhưng anh M đều không có mặt. Qua xác minh tại địa phương, hiện nay anh M vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống, làm việc tại Tổ dân phố Đ, thị trấn T, huyện H, tỉnh T. Theo lời khai của ông Khúc Xuân C (là anh trai ruột của anh M), anh M và chị T được tự do tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Cuộc sống chung của anh chị thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2016 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng làm ăn thua lỗ, bản thân chị T không chung thủy, mặc dù được gia đình nhắc nhở nhưng chị T nhiều lần bỏ nhà đi, đến năm 2017 thì anh M và chị T sống ly thân. Anh M hiện đang sinh sống tại Tổ dân phố Đ, thị trấn T, huyện H, tỉnh T, khi Tòa án thụ lý vụ việc anh M có biết nhưng không đến Tòa án làm việc. Anh M và chị T có 02 con chung tên là Khúc Xuân V, sinh ngày 11/12/2002 và Khúc Thị Thùy L, sinh ngày 11/11/2003, hiện nay cả 02 cháu đã trưởng thành, cháu L đã xây dựng gia đình riêng, cháu V đang đi học chuyên nghiệp.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định; bị đơn chưa chấp hành đúng nghĩa vụ quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Khúc Văn M; chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập và tiến hành lấy lời khai của anh Khúc Văn M, tuy nhiên anh M không hợp tác và cũng không đến Tòa án để làm việc, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Khúc Văn M kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do cả hai không còn cùng chung sống, không quan tâm đến nhau và đã ly thân từ năm 2016 đến nay nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Vì vậy, cần

chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T là xử cho chị T được ly hôn với anh Khúc Văn M.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Khúc Văn M có 02 con chung là cháu Khúc Xuân V, sinh ngày 11/12/2002 và Khúc Thị Thùy L, sinh ngày 11/11/2003. Hiện nay cả hai cháu đều trưởng thành, trên 18 tuổi, chị Nguyễn Thị T không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Nguyễn Thị T không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm; các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Khúc Văn M.

Giấy chứng nhận kết hôn số 26 do Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H, tỉnh T cấp ngày 30/3/2002 cho chị Nguyễn Thị T và anh Khúc Văn M không còn giá trị pháp lý.

2. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004726, ngày 12/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang; ghi nhận chị Nguyễn Thị T đã thi hành xong khoản tiền án phí. Anh Khúc Văn M không phải chịu án phí.

3. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- UBND thị trấn T (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ma Thị Tuyết Mai